TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/HC-PT
Ngày: 13 - 5 - 2020
V/v khởi kiện "Quyết định huỷ kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Ông Lê Hoàng Tấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 723/2019/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc khởi kiện "Quyết định huỷ kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang"

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2019/HC-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 511/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Công ty A.

Địa chỉ: 372 ấp 1, xã Đ1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1966 – chức vụ: Giám đốc (có mặt).

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: P.502, 150 Trần Não, phường Q1, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C – Chủ tịch (vắng mặt).

Địa chỉ: 36 Hùng Vương, Phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Văn D - Phó giám đốc ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất thành phố M (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty A là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty A, ông Nguyễn Đức H trình bày:

Ngày 09/02/2011 Công ty A (sau đây viết tắt là Công ty A) có ký hợp đồng thuê đất với ông Bùi Băng S và bà Nguyễn Thị Thanh H. Đất tọa lạc tại ấp Q2, xã Đ1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Ngày 04/11/2011 hai bên kí tiếp hợp đồng sửa đổi, bổ sung về tiền thuê đất. Ngày 09/3/2013 cả 02 hợp đồng nêu trên đều chấm dứt do hết thời hạn. Hai bên không ký kết thêm hợp đồng nào mà chỉ thỏa thuận miệng về số tiền thuê đất mỗi tháng 23.000.000 đồng. Thuê tháng nào trả tiền tháng đó, khi nào nhà nước thu hồi đất thì bên thuê đất phải trả lại nhà và đất đã thuê.

Ngày 17/12/2013 Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố M có Quyết định thu hồi đất của ông S bà H. Đồng thời tiến hành ra Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hổ trợ cho ông S, bà H và Công ty A. Ông S, bà H đã nhận được tiền bồi thường vào ngày 18/02/2014. Còn Công ty không đồng ý mức bồi thường, tài sản trên đất nên chưa di chuyển trả lại mặt bằng cho Nhà nước.

Ngày 26/9/2017 Công ty nhận được Quyết định hành chính số 5264/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố M, tỉnh Tiền Giang về việc hủy kinh phí bồi thường, hổ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang đối với Công ty A với lý do: Thực hiện theo Bản án kinh

doanh thương mại phúc thẩm số 20/2015/KDTM-PT ngày 25/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tuy nhiên, theo nội dung của bản án nêu trên thì không có nội dung nào nói về việc Nhà nước bồi thường, hỗ trợ cho Công ty A là không đúng. Thực tế tài sản của Công ty A hiện hữu trên đất là có thật, công ty đang sản xuất kinh doanh bình thường trên đất được sự thừa nhận của Nhà nước và cả bên cho thuê đất là ông S, bà H. Nên việc nhà nước bồi thường, hổ trợ cho Công ty là hoàn toàn phù hợp.

Từ những căn cứ trên Công ty A yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 5264/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố M, tỉnh Tiền Giang về việc hủy kinh phí bồi thường, hổ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang đối với Công ty A.

Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố M trình bày:

Ngày 25/10/2012 UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 2634/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ các dự án đầu tư xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1). The đó, UBND thành phố M đã ban hành Quyết định số 8660/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 thu hồi quyền sử dụng đất 1.031,5m^2 đất tọalạc tại ấp Q2, xã Đ1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang đối với ông Bùi Băng S và bà Nguyễn Thị Thanh H. Sau khi triển khai quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt kinh phí, ông S, bà H đã chấp hành quyết định thu hồi đất, đồng ý nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên, Trong phần diện tích đất thu hồi của ông S, bà H ở thửa 3255 và 3256 có ký hợp đồng cho Công ty A thuê, trong đó có nhà xưởng để sản xuất do ông S, bà H xây dựng thời hạn thuê đất là 02 năm tính từ ngày 09/3/2011. Khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1) giữa ông S, bà H và Công ty A phát sinh tranh chấp về "Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất". Vụ việc được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 20/2015/KDTM-PT ngày 25/12/2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất và đầu tư xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang thuê Công ty TNHH tư vấn thiết kế kỹ thuật Công Luận và Công ty cổ phần giám định và thẩm định EXIMVAS lập dự toán xác định chi phí di dời hệ thống máy móc, nguyên vật liệu, trạm biến áp điện 3 pha,… của Công ty A thông qua Trung tâm tư vấn và kiểm định xây dựng tỉnh thẩm tra. Trên cơ sở dự toán của các đơn vị chức năng lập, UBND thành phố trình Hội đồng Thẩm định các phương án bồi thường hổ

trợ và tái định cư tỉnh xem xét, và được Hội đồng thống nhất. Theo đó, UBND thành phố ban hành Quyết định số 8962/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 và Quyết định số 5378/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty A với tổng số tiền 201.677.685 đồng. Các quyết định nêu trên đã được triển khai cho ông Nguyễn Đức H. Sau khi nhận được các Quyết định ông Hiệp đề nghị xem xét bổ sung các hạng mục còn thiếu sót và đề nghị được xem dự toán chi phí di dời do các đơn vị tư vấn lập. Qua kiến nghị của ông Hiệp, các ngành chức năng của thành phố đã tiến hành khảo sát thực tế, xác định chi tiết dây chuyền máy móc, nguyên vật liệu, trang thiết bị của Công ty A.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu hồ sơ bồi thường và các tài liệu có liên quan: Theo Điều 2 Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 09/02/2011 giữa ông S, bà H và Công ty A thì thời hạn thuê là 02 năm. Theo Điều 9 của hợp đồng đã thỏa thuận "Trong trường hợp đất cho thuê bị giải tỏa, thì hợp đồng thuê này coi như chấm dựt hiệu lực". Sau khi hợp đồng thuê đất hết thời hạn, ông S, bà H và ông Hiệp không ký thêm hợp đồng mới mà thỏa thuận miệng tiếp tục thuê đất và nhà xưởng cho đến khi Nhà nước có Quyết định thu hồi thì Công ty trả lại đất và nhà xưởng giao lại cho Nhà nước. Vậy thời điểm khi UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất ông S, bà H thì hợp đồng thuê đất giữa ông S, bà H với Công ty A đã chấm dứt do hết thời hạn. Theo nội dung bản án phúc thẩm đã có hiệu lực số 20/2015/KDTM-PT ngày 25/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tuyên: "Buộc Công ty A phải di dời để trao trả cho anh Bùi Băng S và chị Nguyễn Thị Thanh H thửa đất số 3255 diện tích 365,6m^2; thửa đất số 3256 diện tích 365,6m^2 cùng tọa lạc tại ấp Q2, xã Đ1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang để anh Sơn và chị Hiền tiến hành bàn giao đất cho UBND thành phố M. Buộc Công ty A phải giao trả cho anh Bùi Băng S và chị Nguyễn Thị Thanh H tài sản gắn liền với hai thửa đất nêu trên có cấu trúc xây dựng kết cấu mái tole, khung BTCT, vách tường và phải có nghĩa vụ trả số tiền thuê nhà, đất cho anh Sơn, chị Hiền là 529.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi chín triệu đồng)

Việc giao đất, tài sản trên đất và trả tiền được thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật."

Do ông Đức H không tự giác chấp hành theo bản án nên phía ông S, bà H gửi đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 06/01/2016 Chi cục Thi hành án thành phố M ban hành Quyết định 159/QĐ-CCTHA đối với Công ty A và hiện nay đang làm thủ tục cưỡng chế.

Từ những cơ sở trên xét thấy UBND thành phố M, tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định hành chính số 5264/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố M, tỉnh Tiền Giang về việc hủy kinh phí bồi thường, hổ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1) đối

với Công ty A là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2019/HC-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định:

Bác khởi kiện của Công ty Ado ông Nguyễn Đức H đại diện theo pháp luật, yêu cầu hủy quyết định hành chính số 5264/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang, về việc hủy kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang đối với Công ty A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/10/2019, Công ty A kháng cáo đề nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy quyết định hành chính số 5264/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M tỉnh Tiền Giang, về việc hủy kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang đối với Công ty A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A về việc hủy Quyết định số 5264/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố M về việc hủy kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang. Với các lý do: Chủ trương thu hồi đất và Quyết định thu hồi đất được tống đạt cho ông S bà H nên Công ty A biết từ năm 2013. Khi Ủy ban nhân dân thành phố M thu hồi đất, trên đất thực tế còn tồn tại Công ty A đang hoạt động, theo nguyên tắc khi thu hồi thì phải bồi thường, thiệt hại thực tế có xảy ra, hậu quả làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của Công ty, các tài sản bao gồm máy móc, thiết bị hiện nay không còn sử dụng được nữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty A, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng Công ty A có ký hợp đồng thuê đất tọa lạc tại ấp Q2, xã Đ1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang với ông Bùi Băng S và Nguyễn Thị Thanh H vào ngày

09/02/2011. Ngày 09/3/2013 các bên chấm dứt hợp đồng thuê. Sau đó, ông S, bà H và ông Hiệp không ký thêm hợp đồng mới mà thỏa thuận miệng tiếp tục thuê đất. Ngày 17/12/2013 UBND thành phố M có Quyết định thu hồi đất của ông S bà H. Ngày 18/02/2014, ông S, bà H đã nhận được tiền bồi thường. Vậy thời điểm khi UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất ông S, bà H thì hợp đồng thuê đất giữa ông S, bà H với Công ty A đã chấm dứt do hết thời hạn. Do đó, có cơ sở xác định việc Chủ tịch UBND thành phố M ban hành Quyết định số 5264/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 về việc hủy kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang là đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty A, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2019/HC-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của Công ty A, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 06/5/2020, ông Nguyễn Thành C - Chủ tịch UBND thành phố M là người bị kiện là có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[1.2] Quyết định số 5264/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố M về việc hủy kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Do đó, ngày 30/10/2017, Công ty A có đơn khởi kiện là đúng thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 5264/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố M về việc hủy kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang.

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định

Ngày 25/10/2012, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 2034/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ các dự án đầu tư xây dựng Công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1).

Ngày 17/12/2013, UBND thành phố M ban hành Quyết định số 8660/QĐ-UBND thu hồi 1.031,5m^2 đất tọa lạc tại ấp Q2, xã Đ1, thành phố M của ông Bùi Băng S và bà Nguyễn Thị Thanh H.

Sau khi triển khai quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, ông S, bà H đã chấp hành quyết định thu hồi đất, đồng ý nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên, trong phần diện tích đất thu hồi của ông S, bà H có thửa 3255 và 3256 đã ký hợp đồng cho Công ty A thuê, trong đó có nhà xưởng để sản xuất do ông S, bà H xây dựng (thời hạn thuê đất là 02 năm tính từ ngày 09/3/2011).

Khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 1) giữa ông S, bà H và Công ty A phát sinh tranh chấp về *"Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất"*. Vụ việc được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 20/2015/KDTM-PT ngày 25/12/2015.

UBND thành phố M đã có Quyết định số 8962/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 và Quyết định số 5378/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ Công ty A, với số tiền là 201.677.685 đồng.

Sau khi nhận được các quyết định trên, Công ty A không đồng ý và có đơn khiếu nại.

Do đó, ngày 18/9/2017, Chủ tịch UBND thành phố M ban hành Quyết định số 5264/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của Công ty A có nội dung là hủy kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Điều 204 Luật đất đai năm 2013, Điều 18, Điều 27, 28, 29 Luật khiếu nại 2011.

[2.2] Về nội dung

Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa Công ty A và ông S, bà H ký ngày 09/02/2011, thời hạn thuê đất là 02 năm. Như vậy, hợp đồng thuê đất đã hết thời hạn vào ngày 09/02/2013.

Tại Điều 9 của hợp đồng đã thỏa thuận: *"Trong trường hợp đất cho thuê bị giải tỏa, thì hợp đồng thuê này coi như chấm dứt hiệu lực*". Sau khi hợp đồng thuê đất hết thời hạn, ông S, bà H và Công ty A không ký thêm hợp đồng mới

mà thỏa thuận miệng tiếp tục thuê đất và nhà xưởng cho đến khi Nhà nước có Quyết định thu hồi thì Công ty trả lại đất và nhà xưởng để giao lại cho Nhà nước mà không yêu cầu phía ông S, bà H phải bồi thường. Như vậy, thời điểm UBND thành phố M ban hành Quyết định thu hồi đất số 8660/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 đối với ông S, bà H thì hợp đồng thuê đất giữa ông S, bà H với Công ty A đã chấm dứt do hết thời hạn (hết thời hạn vào ngày 09/2/2013).

Ông S, bà H cũng khai rằng, do biết đất của mình trong quy hoạch để xây dựng Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang, nên khi hết hạn hợp đồng thuê không ký tiếp hợp đồng mà thỏa thuận miệng để cho thuê theo từng tháng.

Theo nội dung của Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 20/2015/KDTM-PT ngày 25/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tuyên buộc Công ty A phải hoàn trả lại đất cho ông S, bà H để ông S, bà H tiến hành bàn giao đất cho UBND thành phố M, buộc Công ty A phải giao trả lại cho ông S, bà H tài sản gắn liền với đất có cấu trúc xây dựng kết cấu mái tole, khung BTCT, vách tường (tức buộc phải trả lại đất và tài sản trên đất nguyên hiện trạng như khi bắt đầu nhận đất thuê của ông S, bà H). Ngoài ra, theo Quyết định Giám đốc thẩm ngày 27/02/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã sửa Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 20/2015/KDTM-PT ngày 25/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, bà H đòi ông Hiệp phải trả 529.000.000đ tiền thuê đất kể từ tháng 02 năm 2014 với lý do Hợp đồng thuê đất giữa Công ty A và ông S, bà H đã chấm dứt kể từ ngày UBND thành phố M thu hồi phần đất cho thuê.

Như vậy, tại thời điểm Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất của ông Bùi Băng S và bà Nguyễn Thị Thanh H thì không còn tồn tại việc cho thuê quyền sử dụng đất giữa ông S, bà H với Công ty A. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố M ban hành Quyết định số 5264/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 về việc hủy kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang đối với Công ty A là đúng quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật đất đai năm 2013.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty A, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện, Công ty A phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người khởi kiện là Công ty A; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty A (do ông Nguyễn Đức H đại diện theo pháp luật) yêu cầu hủy Quyết định số 5264/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố M, tỉnh Tiền Giang về việc hủy kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Quảng trường trung tâm tỉnh Tiền Giang đối với Công ty A.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty A phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001137 ngày 30/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Tiền Giang (1);
– VKSND tỉnh Tiền Giang (1);
– Cục THADS tỉnh Tiền Giang (1);
– Các đương sự (4);
– Lưu: hồ sơ (1),VP(3),14b (TPQ);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa Hiệp